

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NĂNG
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2020/HNGĐ - ST

Ngày: 09 – 11 - 2020

“V/v: Tranh chấp về hôn nhân và gia đình”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Ngọc San.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Y Míp Niê và bà Nguyễn Thị Chinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mậu Tuân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Năng.

Ngày 09 tháng 11 năm 2020, Tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Năng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 255/2020/TLST - HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2020 về “Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Cao Thế V (sinh năm 1963, có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Đặng Thị N (sinh năm 1968, vắng mặt và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn X, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện, tại bản tự khai cũng như tại phiên tòa nguyên đơn ông Cao Thế V trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Đặng Thị N chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 12 năm 1987, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi về chung sống với nhau, ông và bà N chung sống với nhau hòa thuận cho đến thời gian gần đây thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách hai người không hợp nhau. Do hiện nay giữa hai người đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, không thể chung sống với nhau được nữa, hai người cũng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vì vậy ông yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận ông và bà N là vợ, chồng.

+ Về con chung: Quá trình chung sống với nhau ông và bà N có 03 con chung là Cao Việt Q (sinh năm 1988), Cao Thị Huyền T (sinh năm 1992) và Cao Viết D (sinh năm 1997). Do các con chung đã trên 18 tuổi nên ông không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về trách nhiệm nuôi con.

+ Về phân chia tài sản chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai ngày 12/10/2020 bị đơn bà Đặng Thị N trình bày:

+ Bà công nhận bà và ông Cao Thế V chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 12 năm 1987, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi về chung sống với nhau, bà và ông V chung sống với nhau hòa thuận cho đến gần đây thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách hai người không hợp nhau. Do hiện nay giữa hai người đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, không thể chung sống với nhau được nữa, hai người cũng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vì vậy ông V yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận bà và ông V là vợ, chồng thì bà chấp nhận.

+ Về con chung: Bà công nhận bà và ông V có 03 con chung là Cao Việt Q (sinh năm 1988), Cao Thị Huyền T (sinh năm 1992) và Cao Viết D (sinh năm 1997). Do các con chung đã trên 18 tuổi nên bà không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về trách nhiệm nuôi con.

+ Về phân chia tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Sau khi đến Tòa án để làm bản tự khai thì bà N đã có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Căn cứ vào yêu cầu của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ đã thu thập, Hội đồng xét xử xét thấy: Ông Cao Thế V và bà Đặng Thị N chung sống với nhau như vợ chồng, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do vợ chồng phát sinh mâu thuẫn không thể tiếp tục duy trì cuộc sống chung như vợ chồng được nữa nên ông V đã khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận ông và bà N là vợ, chồng. Như vậy, tranh chấp giữa ông V và bà N là “Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình” theo quy định tại khoản 8 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông V và bà N sống chung với nhau như vợ chồng từ tháng 12/1987 cho đến nay, không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân có thẩm quyền là trái với quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Nay ông V có yêu cầu chấm dứt quan hệ như vợ chồng với bà N. Xét tình cảm giữa ông V và bà N không còn và hai người cũng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vì vậy HĐXX xét thấy cần áp dụng khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình để tuyên bố không công nhận ông V và bà N là vợ, chồng.

- Về con chung: Ông V và bà N có 03 con chung là Cao Việt Q (sinh năm 1988), Cao Thị Huyền T (sinh năm 1992) và Cao Viết D (sinh năm 1997). Các con chung của ông V và bà N đều đã trên 18 tuổi, nên HĐXX không đặt ra để xem xét về trách nhiệm nuôi con chung.

- Về phân chia tài sản: Quá trình giải quyết vụ án cả ông V và bà N đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí: Ông V là người có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết việc tranh chấp về hôn nhân và gia đình, không thuộc trường hợp được miễn, giảm án phí, nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 8 Điều 28, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 271 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Cao Thế V và bà Đặng Thị N là vợ, chồng.

2. Về án phí: Ông Cao Thế V phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ trong số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Năng theo biên lai số AA/2019/0009352 ngày 18/9/2020.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Năng;
- THADS huyện Krông Năng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

BÙI NGỌC SAN